

**BẢNG GIÁ DỊCH VỤ QUẢNG CÁO NĂM 2019  
CỦA ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH TRÀ VINH**

(Áp dụng từ ngày 01/01/2019)

(Bảng giá này bao gồm hóa đơn thuế trực tiếp)

**Xuất hóa đơn VAT: Cộng thêm 10% VAT vào đơn giá (Noted by: STMEDIA)**

**I. QUẢNG CÁO TRÊN SÓNG TRUYỀN HÌNH (KÊNH 35UHF)**

**1. Mức giá quảng cáo**

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

| Thời điểm quảng cáo                              | Thời gian                  | Giá cho 01 lần phát sóng |       |        |        |        |        |
|--------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------|-------|--------|--------|--------|--------|
|                                                  |                            | Panel, hình gạt          | 05''  | 10''   | 15''   | 20''   | 30''   |
| Khung phim                                       |                            |                          |       |        |        |        |        |
| - Trước hoặc sau chiếu phim                      | 05g30' – 18g00'            | 900                      | 1.200 | 2.300  | 3.400  | 4.400  | 6.600  |
| - Trong giờ chiếu phim                           |                            | 1.400                    | 1.700 | 3.400  | 5.000  | 6.000  | 9.000  |
| - Trước chiếu phim                               | Trước 20g30'               | 4.000                    | 4.500 | 8.000  | 12.000 | 15.000 | 20.000 |
| - Trong giờ chiếu phim                           | 20g30' - 21g15'            | 5.000                    | 7.000 | 10.000 | 14.000 | 18.000 | 25.000 |
| - Giữa 2 tập phim                                | 21g15' – 21g20'            | 4.000                    | 4.500 | 8.000  | 12.000 | 15.000 | 20.000 |
| - Trong giờ chiếu phim                           | 21g20' - 22g05'            | 4.000                    | 6.000 | 9.000  | 13.000 | 16.000 | 22.000 |
| - Sau chiếu phim                                 | Sau 22g05'                 | 3.000                    | 3.000 | 5.000  | 7.000  | 10.000 | 15.000 |
| Khung Giải trí khác                              |                            |                          |       |        |        |        |        |
| - Trước các CT thể thao, CM...                   | Trước 18g35'               | 1.000                    | 1.000 | 2.200  | 3.200  | 4.400  | 6.500  |
| - Trước hoặc sau CT giải trí                     | Trước 22g30' - Sau 23g30'  | 900                      | 900   | 2.000  | 3.000  | 3.500  | 5.500  |
| - Trong CT giải trí                              | 22g30' - 23g30'            | 1.000                    | 1.000 | 2.500  | 4.000  | 5.500  | 8.000  |
| Khung Thời sự                                    |                            |                          |       |        |        |        |        |
| - Trước thời sự Đài THVN                         | 18g55' - 19g00'            | 1.500                    | 2.000 | 4.000  | 6.500  | 8.000  | 12.000 |
| - Sau Thời sự Đài THVN hoặc Sau Thời sự Đài THTV | Sau 19g45' hoặc Sau 20g05' | 2.000                    | 3.000 | 5.500  | 8.000  | 10.000 | 15.000 |
| Khung chương trình Khmer                         |                            |                          |       |        |        |        |        |
| - Trước hoặc sau chương trình Khmer              | Trước 17g00' – Sau 18g00'  | 1.000                    | 1.000 | 2.200  | 3.200  | 4.400  | 6.500  |
| - Giữa chương trình Khmer                        | 17g30'                     | 1.000                    | 1.000 | 2.500  | 4.000  | 5.500  | 8.000  |

**Ghi chú:** - Các khung giờ trên có thể dao động (+) hoặc (-) 15 phút

- Panel, hình gạt có thời lượng ≤ 5 giây

- Các mẫu quảng cáo trước, trong và sau chương trình truyền hình trực tiếp (nếu có) sẽ áp dụng giá bằng với giá tương ứng với các thời điểm nêu trên.

- Các TVC trong phim được phát vào 2 thời điểm (1) Cut 1: phát ngay sau đầu band; (2) Cut 2: phát giữa phim

**2. Mức giá POPUP, Key Logo, Key chữ** (Không thực hiện trong chương trình Thời sự VTV và Thời sự địa phương)

**2.1. POPUP**

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

| TT   | Buổi trong ngày | Thời gian       | Đơn giá |         |         |
|------|-----------------|-----------------|---------|---------|---------|
|      |                 |                 | 5 giây  | 10 giây | 15 giây |
| I.   | Buổi sáng       | 05g30' - 10g40' | 600     | 1.200   | 1.700   |
| II.  | Buổi trưa       | 10g40' - 13g15' | 800     | 1.500   | 2.200   |
| III. | Buổi chiều      | 13g15' - 18g00' | 800     | 1.500   | 2.200   |
| IV.  | Buổi tối        | 18g00' - 23g30' | 1.000   | 1.900   | 2.800   |

**2.2. Key Logo, Key chữ**

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

| TT   | Buổi trong ngày | Thời gian       | Đơn giá |         |         |
|------|-----------------|-----------------|---------|---------|---------|
|      |                 |                 | 5 giây  | 10 giây | 15 giây |
| I.   | Buổi sáng       | 05g30' - 10g40' | 300     | 600     | 900     |
| II.  | Buổi trưa       | 10g40' - 13g15' | 400     | 800     | 1.200   |
| III. | Buổi chiều      | 13g15' - 18g00' | 400     | 800     | 1.200   |
| IV.  | Buổi tối        | 18g00' - 23g30' | 600     | 1.200   | 1.700   |

**3. Mức giá chương trình tự giới thiệu**

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

| TT   | Buổi trong ngày                          | Thời gian                 | Thời lượng | Đơn giá    |
|------|------------------------------------------|---------------------------|------------|------------|
| I.   | Buổi sáng                                | 5g30' - 10g40'            |            |            |
| 1.   | - Trước hoặc sau CT giải trí, chiếu phim |                           | 2' - 5'    | 1.100/phút |
|      |                                          |                           | Trên 5'    | 1.000/phút |
| II.  | Buổi trưa                                | 10g40' - 13g15'           |            |            |
| 1.   | - Trước hoặc sau CT giải trí, chiếu phim |                           | 2' - 5'    | 1.600/phút |
|      |                                          |                           | Trên 5'    | 1.500/phút |
| III. | Buổi chiều                               | 13g15' - 18g00'           |            |            |
| 1.   | - Trước hoặc sau CT giải trí, chiếu phim |                           | 2' - 5'    | 1.300/phút |
|      |                                          |                           | Trên 5'    | 1.200/phút |
| IV.  | Buổi tối                                 | 18g00' - 23g30'           |            |            |
| 1.   | - Sau Thời sự Đài THVN                   | Sau 19g45'                | 2' - 5'    | 3.500/phút |
|      |                                          |                           | Trên 5'    | 3.200/phút |
| 2.   | - Trước hoặc sau CT giải trí, chiếu phim | Trước 20g30' - Sau 22g05' | 2' - 5'    | 3.600/phút |
|      |                                          |                           | Trên 5'    | 3.300/phút |
| 3.   | - Trước hoặc sau CT giải trí             | Trước 22g30', Sau 23g30'  | 2' - 5'    | 1.200/phút |
|      |                                          |                           | Trên 5'    | 1.000/phút |

**4. Mức giá Thông báo, rao vặt**

**4.1. Cáo phó, cảm tạ, tìm người thân, mất giấy tờ ....**

Đơn vị tính: VNĐ

| Buổi trong ngày                                    | Thời gian       | Đơn giá            |                 |
|----------------------------------------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
|                                                    |                 | Dưới 100 âm đọc    | Trên 100 âm đọc |
| Buổi sáng                                          | 05g30' - 10g40' |                    |                 |
| - Trước hoặc sau chương trình giải trí, chiếu phim |                 | 300.000/lần phát   | 3.000 /âm đọc   |
| Buổi trưa + chiều                                  | 10g40' - 18g00' |                    |                 |
| - Trước hoặc sau chương trình giải trí, chiếu phim |                 | 400.000/lần phát   | 4.000 /âm đọc   |
| Buổi tối                                           | 18g00' - 23g30' |                    |                 |
| - Trước Thời sự Đài THVN                           | 18g55' - 19g00' | 600.000/lần phát   | 6.000 /âm đọc   |
| - Trong chương trình Thông tin - Quảng cáo         | 20g20' - 20g30' | 1.200.000/lần phát | 12.000 /âm đọc  |

#### 4.2. Thông báo tuyển dụng, tuyển sinh, đấu thầu, mời thầu ...

Đơn vị tính: VNĐ

| Buổi trong ngày                              | Thời gian       | Đơn giá            |                 |
|----------------------------------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
|                                              |                 | Dưới 100 âm đọc    | Trên 100 âm đọc |
| <b>Buổi sáng</b>                             | 05g30' - 10g40' |                    |                 |
| - Trước hoặc sau chương trình giải trí, phim |                 | 400.000/lần phát   | 4.000 /âm đọc   |
| <b>Buổi trưa + chiều</b>                     | 10g40' - 18g00' |                    |                 |
| - Trước hoặc sau chương trình giải trí, phim |                 | 500.000/lần phát   | 5.000/âm đọc    |
| <b>Buổi tối</b>                              | 18g00' - 23g30' |                    |                 |
| - Trước Thời sự Đài THVN                     | 18g55' - 19g00' | 700.000/lần phát   | 7.000/âm đọc    |
| - Trong chương trình Thông tin - Quảng Cáo   | 20g20' - 20g30' | 1.300.000/lần phát | 13.000/âm đọc   |

**Ghi chú:** Trang trí khung hình các nội dung Thông báo tuyển dụng, tuyển sinh, đấu thầu... đài thực hiện khuyến mãi.

#### II. QUẢNG CÁO TRÊN SÓNG PHÁT THANH FM (92,7 MHz)

Đơn vị tính: VNĐ

| THẺ LOẠI                                                                   | Thời điểm   | Thời lượng | Đơn giá          |                 |
|----------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|------------------|-----------------|
|                                                                            |             |            | Dưới 100 âm đọc  | Trên 100 âm đọc |
| THÔNG BÁO KHUYẾN MÃI, TUYỂN DỤNG, TUYỂN SINH, ...                          |             |            |                  |                 |
| - Trước hoặc sau giải trí Sáng (6g30 – 7g15 – 7g45)                        |             |            | 400.000/lần phát | 4.000 /âm đọc   |
| - Giữa giải trí sáng (7g30 – 8g30)                                         |             |            | 600.000/lần phát | 6.000 /âm đọc   |
| - Trước hoặc sau giải trí Trưa (11g30 – 12g – 12g12 – 12g30 – 13g15 – 14g) |             |            | 400.000/lần phát | 4.000 /âm đọc   |
| - Giữa giải trí trưa (12g25 – 12g50 – 13g30)                               |             |            | 600.000/lần phát | 6.000 /âm đọc   |
| - Trước hoặc sau giải trí Chiều (17g – 17g20 – 17g30 – 18g – 18g45)        |             |            | 400.000/lần phát | 4.000 /âm đọc   |
| - Giữa giải trí chiều (17g50 – 19g30)                                      |             |            | 600.000/lần phát | 6.000 /âm đọc   |
| NHẮN TIN, MẮT GIẤY TỜ, RAO VẬT...                                          |             |            |                  |                 |
| - Trước hoặc sau giải trí Sáng (6g30 – 7g15 – 7g45)                        |             |            | 200.000/lần phát | 2.000/âm đọc    |
| - Giữa giải trí sáng (7g30 – 8g30)                                         |             |            | 300.000/lần phát | 3.000 /âm đọc   |
| - Trước hoặc sau giải trí Trưa (11g30 – 12g – 12g12 – 12g30 – 13g15 – 14g) |             |            | 200.000/lần phát | 2.000/âm đọc    |
| - Giữa giải trí trưa (12g25 – 12g50 – 13g30)                               |             |            | 300.000/lần phát | 3.000 /âm đọc   |
| - Trước hoặc sau giải trí Chiều (17g – 17g20 – 17g30 – 18g – 18g45)        |             |            | 200.000/lần phát | 2.000/âm đọc    |
| - Giữa giải trí chiều (17g50 – 19g30)                                      |             |            | 300.000/lần phát | 3.000 /âm đọc   |
| QUẢNG CÁO SẢN PHẨM (băng có sẵn)                                           |             |            |                  |                 |
| - Trước hoặc sau giải trí Sáng (6g30 – 7g15 – 7g45)                        | 30 giây     |            | 500.000/lần      |                 |
| - Giữa giải trí sáng (7g30 – 8g30)                                         |             |            | 700.000/lần      |                 |
| - Trước hoặc sau giải trí Trưa (11g30 – 12g – 12g12 – 12g30 – 13g15 – 14g) |             |            | 600.000/lần      |                 |
| - Giữa giải trí trưa (12g25 – 12g50 – 13g30)                               |             |            | 800.000/lần      |                 |
| - Trước hoặc sau giải trí Chiều (17g – 17g20 – 17g30 – 18g – 18g45)        |             |            | 700.000/lần      |                 |
| - Giữa giải trí chiều (17g50 – 19g30)                                      |             |            | 900.000/lần      |                 |
| TỰ GIỚI THIỆU (băng có sẵn)                                                |             |            |                  |                 |
| - Trước hoặc sau giải trí Sáng (6g30 – 7g15 – 7g45)                        | 2 - 5 phút  |            | 200.000/phút     |                 |
| - Trước hoặc sau giải trí Trưa (11g30 – 12g – 12g12 – 12g30 – 13g15 – 14g) | Trên 5 phút |            | 400.000/phút     |                 |
| - Trước hoặc sau giải trí Chiều (17g – 17g20 – 17g30 – 18g – 18g45)        |             |            | 180.000/phút     |                 |
|                                                                            |             |            | 360.000/phút     |                 |

### III. TỶ LỆ GIẢM GIÁ QUẢNG CÁO

#### 1. Nguyên tắc

- Mức giảm giá cụ thể được tính trên doanh số thực tế phát sinh.
- Để khuyến khích khách hàng chạy quảng cáo đạt được doanh số cao, những hợp đồng có doanh số đạt và vượt giá trị hợp đồng sẽ được xét khen thưởng dựa trên căn cứ quy định chính sách khen thưởng của Đài. Tỷ lệ khen thưởng sẽ được thỏa thuận giữa 02 bên.
- Khách hàng hợp tác đầu tư hoặc tài trợ sản xuất chương trình, tài trợ các hoạt động của Đài sẽ được hưởng khuyến mãi, giảm giá v.v... Tùy từng trường hợp, THTV sẽ thương thảo cụ thể với từng đối tác để có Hợp đồng thực hiện.

#### 2. Quy định về tỉ lệ giảm giá

| TT | DOANH SỐ QUẢNG CÁO                         | Mức giảm giá |
|----|--------------------------------------------|--------------|
| 1  | Từ 10.000.000đ đến dưới 100.000.000đ       | 05%          |
| 2  | Từ 100.000.000đ đến dưới 500.000.000đ      | 07%          |
| 3  | Từ 500.000.000đ đến dưới 1.000.000.000đ    | 12%          |
| 4  | Từ 1.000.000.000đ đến dưới 2.000.000.000đ  | 15%          |
| 5  | Từ 2.000.000.000đ đến dưới 4.000.000.000đ  | 20%          |
| 6  | Từ 4.000.000.000đ đến dưới 6.000.000.000đ  | 25%          |
| 7  | Từ 6.000.000.000đ đến dưới 8.000.000.000đ  | 30%          |
| 8  | Từ 8.000.000.000đ đến dưới 10.000.000.000đ | 35%          |
| 9  | Từ 10.000.000.000đ trở lên                 | 37%          |

### IV. NHỮNG QUY ĐỊNH LIÊN QUAN

#### 1. Quy định về thủ tục, cơ sở pháp lý của nội dung thông tin, quảng cáo:

- Các nội dung thông tin, quảng cáo phải phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. Thông tin trung thực, viết rõ ràng. Có các văn bản đảm bảo tính pháp lý của nội dung.
- Thông tin về sản phẩm phải có giấy phép đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm, giấy phép duyệt nội dung quảng cáo do các cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Văn bản cáo phó, cảm tạ, phải viết rõ ràng, có đại diện gia đình ký tên, có giấy chứng tử hoặc xác nhận của UBND cấp xã hoặc của các cơ quan chức năng.
- Mất giấy tờ, phải có tờ có được cơ quan Công an xác nhận.
- Mất giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, phải có xác nhận của VP đăng ký quyền sử dụng đất hoặc của UBND cấp xã.

#### 2. Thông tin được phổ biến miễn phí hoặc giảm giá:

##### a. Thông tin được miễn phí:

- Các thông tin của Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh TV. Các thông tin có tính chất thực hiện chức năng quản lý Nhà nước của các cơ quan chức năng.
- Thông tin thực hiện chính sách nhân đạo như: vá môi hở hàm ếch, tìm trẻ lạc, các đối tượng tâm thần, tàn tật, truy tìm tội phạm, truy tìm tung tích nạn nhân ...
- Tin buồn, cáo phó, cảm tạ là đối tượng chính sách như: Bà mẹ VN anh hùng, cán bộ lão thành cách mạng, anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, đảng viên có huy hiệu Đảng...(một số trường hợp đặc biệt khác do Ban Giám đốc quyết định).

##### b. Thông tin được giảm giá:

- Thông tin thực hiện chính sách xã hội như thông tin về giới thiệu việc làm ...tùy từng trường hợp cụ thể sẽ xem xét giảm giá hoặc miễn phí.

#### 3. Thông tin - quảng cáo khuyến mãi đối với các nhà sản xuất:

Ngoài đơn giá đã được quy định trên, trường hợp nếu khách hàng quảng cáo là những đơn vị trực tiếp sản xuất sản phẩm, trực tiếp đăng ký phát sóng quảng cáo dài hạn với đài PTTH Trà Vinh sẽ được hưởng giá ưu đãi.

## V. THÔNG TIN VỀ KÊNH SÓNG VÀ LIÊN HỆ ĐÀI PT&TH TRÀ VINH

### 1. Thông tin về kênh sóng phát thanh và truyền hình

#### 1.1. Kênh phát thanh:

- Kênh phát thanh Trà Vinh được phát sóng công suất 10 KW trên tần số 92,7 MHz.
- Tầm phủ sóng: toàn tỉnh Trà Vinh, nhiều tỉnh lân cận thuộc DB Sông Cửu Long và vùng Đông Nam Bộ.

#### 1.2. Kênh truyền hình:

+ Hiện nay kênh sóng **THTV** đã có trong hệ thống TH cáp của nhiều tỉnh như: TP Cần Thơ, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Bến Tre, Tiền Giang, Hậu Giang ... sẽ tiếp tục mở rộng ra các nơi khác trong cả nước.

+ Đã truyền dẫn qua mạng truyền hình cáp HTVC hệ kỹ thuật số, Sài Gòn Tourist (SCTV) hệ kỹ thuật số, MyTV, Truyền hình Next TV (Viettel), HPLUS, MeGaTV, kỹ thuật số vệ tinh (DVB-S2), AppStore, Facebook, Youtube do vậy sóng truyền hình Trà Vinh có mặt khắp các tỉnh trong cả nước.

+ Đã được phát sóng quảng bá trên vệ tinh Vinasat-1 và phát trên hệ thống truyền hình trả tiền VTC (Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện Việt Nam).

+ Được phát sóng trên Kênh tần số 24 UHF truyền hình số mặt đất VTV5, Công ty Truyền hình Kỹ thuật số Miền Nam (SDTV) kênh tần số 34UHF-578MHz tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh và một số vùng lân cận có thể thu được tín hiệu: Đồng Nai, Bình Dương, Long An, Tiền Giang, Bà Rịa-Vũng Tàu... thay thế cho truyền hình Analog vào cuối năm 2017.

+ Website: <http://travinhtv.vn>

### 2. Liên hệ:

+ **Địa chỉ: Phòng Dịch vụ và Quảng cáo, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh**

- Số 18A, Lê Lợi, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Điện thoại: **02943 851 699** - Fax: **02943 852 615**

+ **Thời gian liên hệ:** Từ thứ Hai đến thứ Bảy:

- Sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ.

- Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ.

+ **Trưởng phòng Dịch vụ và Quảng cáo: Trần Thị Thùy Dương, ĐT: 0933.06.72.62**

Bảng giá này được áp dụng từ ngày **01/01/2019** và thay thế các bảng giá và các quy định trước đây./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT



**GIÁM ĐỐC**

**Tăng Chí Huân**

